

TIẾT 24, 25 : BÀI 12. KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Năng lực địa lí:

- + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được một số đặc điểm kinh tế của khu vực Đông Nam Á
- + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ.
- + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để giải thích các vấn đề kinh tế của nước ta

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.
- + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .
- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Phiếu học tập, thông tin phản hồi.
- Các biểu đồ hình 11.5, 11.7 phóng to
- Số liệu mới.

2. Học sinh

- Tìm hiểu trước một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và đặc điểm của các ngành kinh tế trong khu vực.
- Hoàn thành nhiệm vụ giáo viên giao trước ở nhà về vấn đề một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và đặc điểm của các ngành kinh tế trong khu vực.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động - 5 phút

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, kích thích trí tò mò của HS. Kiểm tra kiến thức nền tảng về khu vực Đông Nam Á của học sinh.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi Nhà thông thái

- Hoạt động theo nhóm 4 HS.

4. Tiến trình hoạt động

- **Bước 1:** GV chia nhóm, phát giấy note và giao nhiệm vụ, các nhóm thực hiện nhiệm vụ nhanh nhất có thể.

Nhiệm vụ: Kể tên ít nhất 10 doanh nghiệp nước ngoài đang liên doanh tại Việt Nam.

- **Bước 2:** các nhóm thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả trao đổi vào 1 tờ giấy note, giờ cao bài làm và nộp cho GV khi hoàn thành.

- **Bước 3:** 4 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất sẽ được cộng điểm.

- **Bước 4:** GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ cấu kinh tế (5 phút)

1. Mục tiêu

- Hiểu được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực thông qua phân tích biểu đồ

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

4. Tiến trình hoạt động

Bước 1. GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm dựa vào hình 11.5 SGK trang 103 để nhận xét về xu hướng thay đổi của các quốc gia ĐNA theo phiếu học tập.

+ Nhóm 1,3:

Nước	Khu vực I
In-đô-nê-xi-a	
Phi-lip-pin	
Căm-pu-chia	
Việt Nam	
Nhận xét chung toàn khu vực	

+ Nhóm 2,5:

Nước	Khu vực II
------	------------

In-đô-nê-xi-a	
Phi-lip-pin	
Căm-phu chia	
Việt Nam	
Nhận xét chung toàn khu vực	

+ Nhóm 4,6:

Nước	Khu vực III
In-đô-nê-xi-a	
Phi-lip-pin	
Căm-phu chia	
Việt Nam	
Nhận xét chung toàn khu vực	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung và hoàn thành nhanh vào PHT lớn (Giấy A0) về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Campuchia, Indonexia, Philippin, Việt Nam.

Bước 3. Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả. Các nhóm đánh giá, so sánh kết quả. Đại diện của 1 nhóm bất kỳ lên trình bày kết quả thảo luận trên cơ sở PHT đã chuẩn bị kết hợp hệ thống kênh hình, phương tiện trực quan trên màn chiếu của GV để trình bày.

Bước 4. Đánh giá, GV chuẩn hóa kiến thức cho HS.

- Đại diện hai nhóm còn lại nhận xét, góp ý và bổ sung.

- GV nhận xét đánh giá kết quả, thái độ làm việc của các nhóm. Đồng thời có thể đem kết quả của các nhóm còn lại lên đối chiếu, nhận xét.

- Sau đó chuẩn kiến thức:

I. Cơ cấu kinh tế

- Cơ cấu kinh tế khu vực Đông Nam Á có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: Giảm tỉ trọng khu vực I, Tăng tỉ trọng khu vực II và III

➔ Thể hiện sự chuyển đổi từ nền kinh tế thuần nông lạc hậu sang kinh tế có nền công nghiệp và dịch vụ phát triển.

HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP (thời gian: 7 phút)

1. Mục tiêu

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển công nghiệp: Xu hướng phát triển, các ngành công nghiệp chính và phân bố.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

4. Tiến trình hoạt động

Bước 1. Giao nhiệm vụ. GV phát phiếu học tập, sau đó yêu cầu các cặp đôi ngồi gần nhau sẽ trao đổi thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:

Công nghiệp	
Xu hướng phát triển	
Những ngành phát triển mạnh trong những năm gần đây?	
Tại sao vấn đề năng lượng cần phải đặt ra trong phát triển công nghiệp ở các nước Đông Nam Á?	

- Giáo viên chốt lại nội dung học tập bằng bảng thông tin phản hồi và các thông tin từ hoạt động khởi động

Bước 4: Đánh giá: Giáo viên đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

Thông tin phản hồi

II. Công nghiệp	
Xu hướng phát triển	<ul style="list-style-type: none">- Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.- Hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ.- Đào tạo kỹ thuật cho lao động.- Chú trọng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.- > Tích lũy vốn.

<p>Các ngành phát triển mạnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CN sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử phát triển nhanh, là ngành thế mạnh của ĐNA. (Xingapo, Malaixia, Indônêxia, Việt Nam) - CN khai khoáng: Dầu khí, than, khoáng sản kim loại (Việt Nam, Indônêxia, Brunây): - CN sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp.... - > Phục vụ xuất khẩu. - CN điện: phát triển nhanh, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.
<p>Vấn đề năng lượng cần phải đặt ra trong phát triển công nghiệp ở các nước Đông Nam Á là vì</p>	<p>Sản lượng điện của khu vực có tăng song bình quân trên đầu người còn thấp, khđ khấn cho vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa.</p>

HOẠT ĐỘNG 3:TÌM HIỂU NGÀNH DỊCH VỤ (Thời gian: 3 phút)

1. Mục tiêu

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển dịch vụ Đông Nam Á.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

4. Tiến trình hoạt động.

Bước 1. Giao nhiệm vụ.

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển dịch vụ Đông Nam Á?
 - + *Hướng phát triển của ngành dịch vụ?*
 - + *Mục đích của ngành dịch vụ?*

Bước 2:HS suy nghĩ về các câu hỏi trong thời gian 2 phút.

Bước 3.

- GV sử dụng kênh hình gọi một vài HS đại diện và hướng dẫn các em trả lời câu hỏi.
- Các HS khác bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

III. Dịch vụ

1. Hướng phát triển

- Phát triển cơ sở hạ tầng
- HDH mạng lưới thông tin, dịch vụ ngân hàng, tín dụng
- Phát triển du lịch

2. Mục tiêu

- Phục vụ đời sống, nhu cầu phát triển đất nước và thu hút đầu tư

Hoạt động 4: Tìm hiểu ngành nông nghiệp (Thời gian: 20 phút)

1. Mục tiêu

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển Nông nghiệp ĐNA.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

4. Tiến trình hoạt động.

Bước 1. GV chia lớp thành **9 nhóm chuyên gia**. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một nội dung

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

Nhóm 1,5,7: Trồng lúa nước.

Nhóm 2,4,8: Trồng cây công nghiệp.

Nhóm 3,6,9: Chăn nuôi, đánh bắt nuôi trồng hải sản.

Lưu ý: - Vòng này giáo viên đã giao về nhà cho học sinh làm trước. Yêu cầu học sinh nghiên cứu bài học, vẽ sơ đồ, tự thay nhau trả lời yêu cầu được giao sao cho mọi thành viên đều có kiến thức chuyên sâu để dạy lại cho các nhóm chuyên gia khác trong vòng 2.

- GV gợi ý cho học sinh những nội dung kiến thức cần phải trình bày được về các ngành nông nghiệp:

+ Điều kiện phát triển

+ Tình hình phát triển

+ Phân bố

Bước 2.

Vòng 2: Nhóm mảnh ghép (đi xem tranh)

Các nhóm chuyên gia dán sơ đồ lên khu vực quy định. Học sinh đếm số 1,2,3 và các học sinh có cùng số về 1 nhóm tạo thành 3 nhóm mảnh ghép. Các nhóm di chuyển theo chiều kim đồng hồ, đem theo sách vở để nghe chuyên gia giảng giải, ghi chép và đặt câu hỏi. Mỗi trạm các học sinh chuyên gia của trạm đó có nhiệm vụ trình bày, giải thích cho các bạn hiểu trong thời gian 3 phút.

Sau khi quan sát học tập, HS về chỗ, GV tiến hành kiểm tra và chuẩn kiến thức.

Nội dung của phần III

III- Nông nghiệp

1. Trồng lúa nước

+ Điều kiện phát triển

- Đất phù sa màu mỡ
- Khí hậu nhiệt đới ẩm
- Nguồn nước dồi dào
- Dân cư đông đúc

+ Tình hình phát triển

- Lúa nước là cây trồng lâu đời của cư dân khu vực và trở thành cây lương thực chính
- Do áp dụng tiến bộ KHKT, năng suất lúa ngày càng tăng → đã cơ bản giải quyết được nhu cầu lương thực của các nước trong khu vực. Thái Lan và VN trở thành 2 nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.
- Vấn đề của các nước trong khu vực: Cần sử dụng hợp lý đất gieo trồng lúa nước, tránh tình trạng lãng phí => đòi hỏi có qui hoạch phát triển dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển.

+ Phân bố

- Được phát triển ở tất cả các nước nhưng sản lượng nhiều nhất ở In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

2. Trồng cây công nghiệp và cây ăn quả

+ Điều kiện phát triển

- Đất feralit có diện tích lớn
- Khí hậu nhiệt đới ẩm
- Thị trường tiêu thụ lớn

+ Tình hình phát triển và phân bố

- Cao su, cà phê, hồ tiêu có nhiều ở Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.
- Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước.

=> Đông Nam Á là nguồn cung cấp chính cho thế giới về cao su, cà phê, hồ tiêu. Việt Nam là nước xuất khẩu hồ tiêu nhiều nhất thế giới

3. Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản

+ Điều kiện phát triển

- Có nhiều đồng cỏ, nguồn lương thực được đảm bảo
- Có vùng biển rộng lớn
- Mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc, diện tích mặt nước lớn.

+ Tình hình phát triển

- Chăn nuôi vẫn chưa trở thành ngành sản xuất chính nhưng có số lượng gia súc gia cầm tương đối lớn và tăng nhanh.

- Đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản phát triển, sản lượng đạt khá cao nhưng còn rất khiêm tốn so với các khu vực khác trên thế giới.

+ Phân bố.

- Trâu, bò, lợn được nuôi nhiều ở Ma-lai-xia, Thái Lan, Việt Nam
- Lợn nuôi nhiều ở Việt Nam, Thái Lan...
- Nghề nuôi trồng, đánh bắt cá phát triển ở tất cả các nước(trừ Lào)

C. LUYỆN TẬP (3 phút)

1. Mục tiêu

- Giúp HS củng cố hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa được lĩnh hội.
- Giải quyết được vấn đề đặt ra từ đầu tiết học đặt ra.

3. Tiến trình hoạt động

Bước 1: GV tổ chức trò chơi con thú may mắn.

Luật chơi: Có 5 con thú khác nhau, trong đó có 4 con thú chứa 4 câu hỏi trắc nghiệm và 1 con thú may mắn. Các học sinh được phép lựa chọn các con thú tùy ý, nếu chọn con thú có câu hỏi thì học sinh phải trả lời câu hỏi trắc nghiệm, trả lời đúng được cộng 1 điểm, trả lời sai học sinh khác có quyền trả lời. Nếu học sinh nào chọn được con thú may mắn thì không phải trả lời mà vẫn được 10 điểm.

Câu 1. Hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay chủ yếu nhằm

A. tăng cường mối liên doanh liên kết với các nước trong khu vực

- B. tăng cường mối liên doanh liên kết với các nước trên thế giới
- C. tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa của từng nước trong giai đoạn tiếp theo
- D. phát triển việc giao lưu trao đổi hàng hóa trong từng nước và giữa các nước trong khu vực

Câu 2. Sản phẩm của một số ngành công nghiệp chế biến như: lắp ráp ô tô, xe máy, ... đã có sức cạnh tranh và trở thành thế mạnh của các nước trong khu vực Đông Nam Á chủ yếu do

- A. trình độ công nhân lành nghề
- B. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài
- C. giá nhân công rẻ và nguồn lao động dồi dào
- D. nguồn tài nguyên phong phú

Câu 3. Câu nào dưới đây không chính xác về ngành dịch vụ của các nước Đông Nam Á

- A. cơ sở hạ tầng hiện đại và ngày càng phát triển
- B. hệ thống giao thông được mở rộng và tăng thêm
- C. thông tin liên lạc được cải thiện và ngày càng nâng cấp
- D. hệ thống ngân hàng, tín dụng phát triển và hiện đại

Câu 4. Nền nông nghiệp Đông Nam Á giữ vị trí quan trọng vì

- A. tạo sản phẩm xuất khẩu chính cho tất cả các nước
- B. đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cho người dân trong khu vực
- C. tạo ra những cảnh quan xinh đẹp hấp dẫn khách du lịch quốc tế
- D. cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu để phát triển công nghiệp

Bước 2. HS lần lượt lựa chọn các câu hỏi trả lời.

Bước 3. GV chuẩn kiến thức

Tiết 26, 27: BÀI 13. HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Năng lực địa lí:

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được các mục tiêu chính và cơ chế hợp tác của ASEAN. Đánh giá được các thành tựu cũng như thách thức đối với ASEAN.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để trình bày những thuận lợi, khó khăn khi nước ta ra nhập ASEAN

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.

+ Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển kinh tế của ASEAN.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ kinh tế chung Đông Nam Á.

- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về thành tựu và thách thức của ASEAN (GV giao nhiệm vụ trước tìm hiểu ở nhà).

III. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT(5 phút)

1. Mục tiêu

- Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực giao tiếp, thống kê và ghi nhớ của học sinh.

4. Tiến trình hoạt động

- **Bước 1:** GV trình chiếu video giới thiệu về ASEAN

Sau đó lần lượt gọi 1 số học sinh đứng dậy hỏi: Em biết gì về ASEAN?

Bước 2: Các học sinh lần lượt trả lời. GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về mục tiêu và cơ chế hợp tác của ASEAN (10 phút)

1. Mục tiêu

- Hiểu và trình bày được các mục tiêu chính, cơ chế hợp tác của ASEAN.

4. Tiến trình hoạt động

Bước 1. GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1,2: Tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN. Hiện nay còn nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa tham gia vào ASEAN?

+ Nhóm 3,4: Tìm hiểu về mục tiêu chính của ASEAN. Tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định?

+ Nhóm 5,6: Tìm hiểu về cơ chế hợp tác của ASEAN. Lấy một số ví dụ minh họa cụ thể cho các cơ chế hợp tác.

Bước 2. HS thực hiện theo nhóm, trình bày ngắn gọn nội dung của mình lên giấy A0 trong vòng thời gian 5 phút. HS thảo luận, trao đổi chéo. GV quan sát và phát hiện ra khó khăn của học sinh để hướng dẫn kịp thời.

Bước 3. Đại diện học sinh các nhóm lên trình bày. Các học sinh khác bổ sung.

Bước 4. GV chuẩn kiến thức.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

I. MỤC TIÊU VÀ CƠ CHẾ HỢP TÁC CỦA ASEAN.

* Lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN:

Ra đời năm 1967, gồm 5 nước: Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Xing-ga-po.

- Số lượng thành viên ngày càng tăng, đến nay đã có 10 quốc gia thành viên.

- Quốc gia chưa tham gia ASEAN là Đông Ti-mo.

1. Mục tiêu chính của ASEAN

- Có 3 mục tiêu chính:

+ Thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước thành viên.

+ Xây dựng khu vực có nền hoà bình, ổn định.

+ Giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ và bất đồng, khác biệt giữa nội bộ với bên ngoài.

=> Đích cuối cùng ASEAN hướng tới là “Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định, cùng phát triển”.

2. Cơ chế hợp tác của ASEAN

- Thông qua các hội nghị, các diễn đàn, các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, thể thao...

Thông qua kí kết các hiệp ước hai bên, nhiều bên hoặc các hiệp ước chung.

- Thông qua các dự án, chương trình phát triển.

- Xây dựng khu vực thương mại tự do.

Thực hiện cơ chế hợp tác sẽ bảo đảm cho ASEAN đạt được các mục tiêu chính và mục đích cuối cùng là hoà bình, ổn định và cùng phát triển.

HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu thành tựu và thách thức của ASEAN (20 phút)

1. Mục tiêu

- Trình bày được các thành tựu và thách thức của ASEAN.

4. Tiến trình hoạt động

Bước 1. GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1&3: đọc mục II, SGK, tìm hiểu các thành tựu của ASEAN, hoàn thành phiếu học tập số 1 sau:

Thành tựu	Phân tích và cho ví dụ
Về kinh tế	
Về nâng cao mức sống của nhân dân	
Về an ninh xã hội, ổn định chính trị.	

GV cung cấp 1 số tư liệu cho nhóm 1: Tổng GDP ASEAN tăng vọt từ mức 37,6 tỉ USD năm 1970 lên 2.600 tỉ USD năm 2016.

+ Nhóm 2 & 4: đọc mục III- sgk và hiểu biết thực tế, tìm hiểu thách thức của ASEAN, hoàn thành phiếu học tập số 2 sau:

<i>Khó khăn và thách thức</i>	<i>Phân tích và cho ví dụ</i>

HS làm việc theo nhóm, thời gian 5 phút.

Bước 2.HS: thực hiện cá nhân, sau đó trao đổi nhóm và chuẩn bị báo cáo GV, trao đổi với cả lớp về kết quả thực hiện.

Trong quá trình thực hiện GV quan sát và điều chỉnh nhiệm vụ học tập cho phù hợp với đối tượng HS.

Bước 3. GV tổ chức **trò chơi tiếp sức.**

GV chia lớp thành 2 nhóm lớn: Nhóm 1 - thành tựu, nhóm 2 - thách thức. GV yêu cầu các thành viên của 2 đội lần lượt lên bảng ghi các nội dung của nhóm mình. Mỗi thành viên chỉ được phép ghi một ý sau đó trở về cho các thành viên khác lên ghi. Trong thời gian 3 phút đội nào hoàn thành trước thì sẽ chiến thắng.

Bước 4. GV yêu cầu 2 học sinh bất kỳ của 2 nhóm lên trình bày nội dung của nhóm mình. Các học sinh khác có thể nhận xét, đánh giá chéo. GV chốt kiến thức, nhận xét đánh giá kết quả thực hiện của HS.

HS sửa hoàn chỉnh phiếu học tập của mình.

THÔNG TIN PHẢN HỒI
II. Thành tựu củ ASEAN + Về kinh tế: - 10/11 quốc gia trở thành thành viên của ASEAN, GDP xấp xỉ 800 tỉ USD. - Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khối khá cao. (Xingapo; In-đô-nê-xia, Malaixia, Vnam.. + Về nâng cao mức sống của nhân dân: Đời sống nhân dân đã được cải thiện, cơ sở hạ tầng được hiện đại hóa. (Xingapo, Gia-cac-ta, Băng -cốc, Kualo Lăm-ơ...

+ Về an ninh xã hội, ổn định chính trị. Tạo dựng được môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực.

III. Thách thức của ASEAN

+ Trình độ phát triển còn chênh lệch: GDP bình quân đầu người còn chênh lệch giữa các nước thành viên: Xingapo rất cao, nhiều nước rất thấp như Mianma, Campuchia, Lào...

+ Vẫn còn tình trạng đói nghèo: Tình trạng đói nghèo ở mỗi nước khác nhau.

+ Các vấn đề xã hội khác: Tôn giáo, sự hòa hợp dân tộc trong mỗi quốc gia, dịch bệnh, sử dụng TNTN, bảo vệ MT chưa hợp lí, thất nghiệp...

HOẠT ĐỘNG 3. Tìm hiểu Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN (5 phút)

1. Mục tiêu

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong quá trình hội nhập.

2. Tiến trình hoạt động

Bước 1. GV yêu cầu HS dựa vào mục IV- sgk và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Nêu ví dụ cho thấy Việt Nam đã tham gia tích cực vào hoạt động của ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội?

+ Em có nhận xét gì về cơ hội và thách thức của Việt Nam khi ra nhập ASEAN.

Bước 2. HS thực hiện và chuẩn bị báo cáo kết quả. Cùng thời gian, GV gọi 2 HS lên bảng ghi kết quả thực hiện trên bảng, các HS khác làm vào vở.

Bước 3. GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng cách các HS nhận xét, bổ sung kết quả của 2 HS ghi trên bảng.

Bước 4. GV nhận xét đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuẩn hóa kiến thức.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

IV. VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP ASEAN.

1. Tham gia của Việt Nam

- Về kinh tế, giao dịch thương mại của Việt Nam trong khối đạt 30%.
- Tham gia hầu hết các hoạt động về chính trị, văn hoá, giáo dục, xã hội, thể thao...
- Vị trí của Việt Nam ngày càng được nâng cao.

2. Cơ hội và thách thức

- Cơ hội: Xuất được hàng trên thị trường rộng lớn ngót nửa tỉ dân.

Thách thức: Phải cạnh tranh với các thương hiệu có tên tuổi, uy tín hơn, các sản phẩm có trình độ công nghệ cao hơn.

Giải pháp: Đón đầu đầu tư và áp dụng các công nghệ tiên tiến để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

C. LUYỆN TẬP (3 phút)

1. Mục tiêu

- Giúp HS củng cố hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa được lĩnh hội.
- Giải quyết được vấn đề đặt ra từ đầu tiết học đặt ra.

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Cá nhân/cả lớp

3. Tiến trình hoạt động

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học.
- Trả lời các câu hỏi trong SGK

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp (hoặc hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà)

Bước 3. GV kiểm tra kết quả thực hiện của HS và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HS trong quá trình thực hiện.

Tiết 28: BÀI 14. THỰC HÀNH

TÌM HIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Năng lực địa lí:

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: So sánh được mức chi tiêu, số khách, doanh thu du lịch của từng khu vực. So sánh được tình hình xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Đề xuất những sáng kiến để có thể nâng cao doanh thu từ khách du lịch.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.

+ Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư và xã hội

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

- SGK – Địa lí 11.

- Biểu đồ số khách du lịch và chi tiêu của khách du lịch theo bảng 11 ở SGK (có cập nhật số liệu mới)

- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của HS

- Sách, tư liệu số liệu, tranh ảnh về tự nhiên, xã hội, kinh tế

- Chuẩn bị các dụng cụ học tập cho bài thực hành GV nhắc từ tiết trước.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Tình huống xuất phát (5 phút)

1. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho học sinh để bước vào bài mới.
- Nhắc lại được các địa danh du lịch nổi tiếng của từng khu vực.

2. Tiến trình hoạt động

Bước 1: Giáo viên cho học sinh xem tình hình ảnh để học sinh giành quyền chuyển lời đây là các các địa danh du lịch nổi tiếng nào? thuộc khu vực nào?

Đáp án

1. NÚI PHÚ SĨ- NHẬT BẢN (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG Á)
2. PHƯỢNG HOÀNG CỔ TRẦN- TRUNG QUỐC (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG Á)
3. SINGAPORE (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á)
4. THÁP ĐÔI MALAYSIA (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á)
5. DUBAI (THUỘC KHU VỰC TÂY NAM Á)
6. JERUSALEM(THUỘC KHU VỰC TÂY NAM Á)

- **Bước 2:** GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi.

- **Bước 3:** GV gọi 01 HS xung phong thuyết minh về một trong những địa điểm du lịch trên, các HS khác trao đổi và bổ sung thêm.

- **Bước 4:** GV nhận xét và bổ sung ý kiến, mở rộng về Jerusalem

B. Hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG 1: VẼ BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN HIỆN SỐ KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU DU LỊCH CỦA CÁC KHU VỰC. (20 PHÚT)

1. Mục tiêu

- Rèn luyện kỹ năng nhận dạng, vẽ biểu đồ cột 2 trục tung.

2. Tiến trình hoạt động

Bước 1.Giáo viên cung cấp bảng số liệu mới năm 2014 cho học sinh làm việc cá nhân để đạt nội dung yêu cầu của phần 1, xác định loại biểu đồ thích hợp.

Bước 2.Giáo viên phát vấn để học sinh nhắc lại những lưu ý khi vẽ biểu đồ cột đôi

- *Biểu đồ có 2 trục tung: một trục tung thể hiện số khách du lịch, một trục tung thể hiện chi tiêu của khách du lịch.*
- *Khoảng cách giữa các khu vực là bằng nhau.*
- *Sử dụng biểu đồ cột đôi khi bảng số liệu yêu cầu thể hiện: số lượng, sản lượng, tình hình..... Với bảng số liệu có hai đơn vị và không thể hiện theo năm.*

Bước 3. Học sinh làm việc cá nhân hoàn thành biểu đồ trong thời gian 12 phút.

Bước 4. Giáo viên cung cấp biểu đồ chuẩn, hai học sinh ngồi cạnh đổi bài cho nhau để nhận xét góp ý.

HOẠT ĐỘNG 2: TÍNH BÌNH QUÂN CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH

(5 phút)

1. Mục tiêu

- Rút ra được công thức và tính được bình quân chi tiêu của mỗi khách du lịch dựa trên đơn vị.
- Nhận xét được ôc châu khách và chi tiêu của khách du lịch quốc tế ở các khu vực.

2. Tiến trình hoạt động

Bước 1. Giáo viên cung cấp đơn vị tính bình quân chi tiêu của mỗi khách du lịch là: USD/người

Bước 2. Yêu cầu học sinh thảo luận trong nhóm để rút ra công thức tính (thời gian thảo luận là 1 phút)

Bước 3. Mỗi thành viên trong nhóm dựa vào công thức vừa rút ra sẽ tính một khu vực và hoàn thành bảng số liệu trong thời gian 2 phút.

Bước 4. Giáo viên chọn hai nhóm bất kỳ trình bày kết quả tính được; cho học sinh so sánh nhanh về số khách du lịch và bình quân chi tiêu của mỗi khách đến các khu vực.

Bước 5. Các nhóm so sánh, đối chiếu với kết quả này làm của mình và hoàn thành bài tập, đề xuất các giải pháp để tăng doanh thu du lịch cho Việt Nam.

2. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch

3. Nhận xét

- Số lượng khách du lịch và tổng thu của khu vực Đông Nam Á ít hơn Đông Bắc Á nhưng cao hơn hai khu vực còn lại. (Số liệu)

- Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á chỉ xấp xỉ

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu về TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐÔNG NAM Á (thời gian 7 phút)

1. Mục tiêu

- Nhận xét biểu đồ đồ giá trị xuất nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Nhắc lại được công thức tính cán cân xuất nhập khẩu và nhận xét được ôc toán cân xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á qua các năm.

2. Tiến trình hoạt động

Bước 1. giáo viên Chia lớp thành 8 nhóm và phát phiếu học tập (phần phụ lục) cho học sinh, Giáo viên sẵn kẻ sẵn bảng kết quả thảo luận của học sinh ở trên bảng

Bước 2. Học sinh làm việc trong thời gian 2 phút.

Bước 3. Sau thời gian 2 phút giáo viên cho học sinh điền kết quả ở trên bảng (phần giáo viên đã kẻ sẵn ở bước 1. các nhóm có cùng phiếu học tập của nhận xét điều chỉnh Nếu có sai sót.

Bước 4. giáo viên chuẩn kiến thức và mở rộng về tình hình xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á.

NỘI DUNG

Năm	Cán cân xuất nhập khẩu (+,-)			
	Xin-ga-po	Thái Lan	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a
1990	+	-		+
2000	+	+	-	+
2014	+	+	+	-

C. Hoạt động luyện tập (4 phút)

1. **Mục tiêu:** Nhằm củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học.

2. Tiến trình hoạt động

- **Bước 1:** GV cho học sinh làm các câu trắc nghiệm sau.

Câu 1. Mức chi tiêu bình quân của mỗi lượt du khách quốc tế đến khu vực Đông bắc Á năm 2014 là

A. 1013,3 USD. B. 725,6 USD. C. 1216,7 USD. D. 1745,9 USD.

Câu 2. Số khách du lịch và mức chi tiêu của mỗi khách du lịch phản ánh rõ khu vực Đông Nam Á

A. Không có các tài nguyên du lịch nên thu hút được ít khách du lịch.

B. Có rất nhiều tài nguyên du lịch nhưng ít có dịch vụ đi kèm, doanh thu thấp.

C. Chưa quảng bá được tài nguyên du lịch cho du khách biết.

D. Trình độ dịch vụ và sản phẩm du lịch còn thấp.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây không đúng về số khách du lịch quốc tế đến và mức chi tiêu của du khách ở một số khu vực châu Á năm 2014?

A. Số lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á tương đương với khu vực Tây Nam Á.

B. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch quốc tế đến Đông Nam Á thấp hơn so với Đông Bắc Á.

C. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch quốc tế đến Đông Nam Á thấp hơn so với khu vực Tây Á.

D. Số khách du lịch quốc tế đến và mức chi tiêu của du khách ở cả hai khu vực Đông Nam Á và Tây Á đều thấp hơn so với khu vực Đông Bắc Á.

Cho biểu đồ:

Dựa vào biểu đồ, trả lời các câu hỏi từ 3 đến 6:

Câu 3. Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

B. Giá trị xuất, nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á

C. Chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á

D. Giá trị xuất, nhập khẩu khu vực Đông Nam Á.

Câu 4. Nước có giá trị xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất khu vực là

A.Xin-ga-po. B.Thái Lan. C. In-đô-nê-xi-a. D.Việt Nam.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po?

A. Giá trị xuất, nhập khẩu đều giảm.
tăng.

B. Giá trị xuất, nhập khẩu đều

C. Các năm giá trị xuất khẩu đều lớn hơn nhập khẩu. D. Các năm giá trị nhập khẩu đều lớn hơn xuất khẩu.

Câu 6. Năm 2014, nước có giá trị xuất khẩu nhỏ hơn nhập khẩu là

A. Xin-ga-po. B.In-đô-nê-xi-a. C. Việt Nam. D.Thái Lan.

Tiết 29, 30, 31 - Bài 15. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI KHU VỰC TÂY NAM Á

(03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Năng lực

*. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.*. *. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học địa lí:

Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Tìm hiểu địa lí:

Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Khai thác chọn lọc thu thập các tư liệu từ các nguồn khác nhau về khu vực Tây Nam Á

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.

-

Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập và ndung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên khu vực Tây Nam Á
- Bản đồ phân bố dân cư khu vực Tây Nam Á
- Video, tranh ảnh khu vực Tây Nam Á

2. Học sinh

- Đọc bài ở nhà
- Giấy nhớ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu

(Cá nhân/5 phút)

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài học. Lay động lòng trắc ẩn, cảm xúc của HS,



hình thành các kiến thức ban đầu về khu vực “Điểm nóng” của thế giới

-Kĩ năng:phân tíchkhảithácthôngtin,dữliệutừtruyềnthông. Rèn luyện kĩ năng quan sát và phân tích qua clip

b) Nội dung: Cá nhân xem video và cảm nhận

c) Sản phẩm:

Câu trả lời miệng của HS

d) Tiến trình hoạt động

-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:Phát PHT/chiếu câu hỏi định hướng trước khi xem clip

- Clip “Cho em tuổi thơ, cho em hòa bình”

<https://www.youtube.com/watch?v=Lq6eOyTo5gc>

+ Vấn đề nào đang diễn ra qua phần trình bày của bé?

+ Vấn đề đó đang diễn ra ở đâu? Quốc gia nào? Khu vực nào?

+ Nguyên nhân do đâu mà vấn đề đó diễn ra?



-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:Họcsinhquansátvideovàtrảlờicâuhoitrongthờigian1phút.

-Bước3:Áocáo,thảoluận:HS trình bày chia sẻ theo hình thức xung phong, nêu quan điểm bản thân, chia sẻ cảm xúc

-Bước4:Kétluận,nhậndịnh:GV cung cấp một số thông tin và tranh ảnh về các kì quan cổ đại, tóm lược lại truyền thuyết" Nghìn lẻ một đêm"..., tóm lược về Tây Nam Á và Trung Á, nêu lên giá trị đặc biệt của khu vực rồi dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Vị trí địa lí của Tây Nam Á

(Cặp đôi/Nhóm/ khai thác trực quan)

a) Mục tiêu

-Kiếnthức:Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế – xã hội.

-Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng phân tích bản đồ, tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Xác định đc vị trí khu vực, kê tên được các nước của khu vực

b) Nội dung: Hsthảoluậncặpdoìhoànthànhnhệmvụhoctập

c) Sản phẩm: Phần trả lời miệng của HS

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

a. Vị trí địa lí:

- Tây Nam Á gồm 20 quốc gia có diện tích khoảng 7 triệu km.
- Vị trí địa lí:
 - + Nằm ở phía tây nam của châu Á, phần đất nằm trong khoảng vĩ độ từ 12°B đến 42°B và trong khoảng kinh độ từ 27°Đ đến 73°Đ, vị trí được ví như cầu nối giữa ba châu lục: châu Á, châu Âu và châu Phi, ở vị trí tiếp xúc của các mảng kiến tạo lớn, trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.
 - + Tiếp giáp với nhiều biển và vịnh biển (Biển Đỏ, A-ráp, vịnh Péc-xích, Địa Trung Hải, Biển Đen), thông ra Đại Tây Dương ở phía bắc và Ấn Độ Dương ở phía nam.
 - + Kênh Xuy-ê nối liền Địa Trung Hải với Ấn Độ Dương có ý nghĩa quan trọng đối với hàng hải quốc tế, giúp rút ngắn quãng đường di chuyển từ các khu vực ven Đại Tây Dương sang các khu vực ven Ấn Độ Dương.

b. Ý nghĩa:

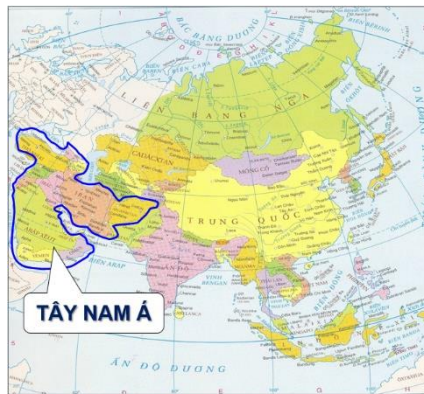
Vị trí địa lí đã tạo nên một khu vực Tây Nam Á có khí hậu chủ yếu là khô nóng nhưng có tài nguyên khoáng sản phong phú. Tây Nam Á có vị trí địa chính trị quan trọng do nằm giữa ba châu lục; án ngữ các tuyến đường giao thông quan trọng bậc nhất thế giới, có tuyến đường biển huyết mạch dẫn đến các mỏ dầu khí trữ lượng lớn của các quốc gia vùng vịnh Péc-xích.

d) Tiến trình hoạt động

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm vị trí địa lí

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV xác định trên bản đồ Các nước trên thế giới, xác định khu vực Tây Nam Á



LƯỢC ĐỒ CÁC NƯỚC CHÂU Á

GV cho HS thảo luận cặp đôi, phát phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát bản đồ tự nhiên Tây Nam Á hoàn thành phiếu theo cặp đôi trong vòng 3 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Tây Nam Á gồm có.....quốc gia, diện tích
- Tiếp giáp.....
- +.....
- +.....
- +.....

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi theo cặp trong thời gian 3' để hoàn thành nhiệm vụ.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi ngẫu nhiên cặp đôi HS nêu thông tin
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu kết quả.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu phân tích ý nghĩa vị trí địa lí

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho Hs thảo luận nhóm, phát phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát bản đồ tự nhiên Tây Nam Á hoàn thành phiếu trong vòng 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
+ Ý nghĩa	
Thuận lợi:	+
	+
Khó khăn:	+
	+

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi theo nhóm trong thời gian 5' để hoàn thành nhiệm vụ.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho Hs đổi chéo sản phẩm, nhận xét, bổ sung và gọi 1 nhóm lên báo cáo sản phẩm
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình hoạt động của nhóm và chuẩn kiến thức.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây Nam Á

a) Mục tiêu

-Kiến thức: Phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Kỹ năng: Đọc và trình bày, phân tích bản đồ.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân/nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c) Sản phẩm: Phần trả lời trên PHT

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
<p>Địa hình, đất</p>	<p>+ Địa hình núi, sơn nguyên bao gồm: dãy Cáp-ca, dãy Hin-đu Cúc, sơn nguyên I-ran, sơn nguyên A-na-tô-li, sơn nguyên</p> <p>Giữa các dãy núi là các thung lũng nhưng có thể phát triển Đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng</p> <p>+ Địa hình đồng bằng bao gồm: đồng bằng Lưỡng Hà do sông Ti-grơ và Ơ-phrát bồi đắp và các đồng bằng nhỏ ở ven vịnh Péc-xích, Địa Trung Hải.</p> <p>- Nhiều hoang mạc lớn như Xi-ri, Nê-phút Rúp-en Kha-li. Đất chủ yếu là đất sán hoang mạc và bán hoang mạc.</p>	<p>➤ Địa hình chia cắt, hiểm trở gây khó khăn cho giao thông trồng trọt và cư trú nhưng có thể chăn nuôi gia súc</p> <p>➤ Thuận lợi cư trú và phát triển nông nghiệp</p> <p>Không thuận lợi cho canh tác nhưng nhiều nơi có dầu mỏ và khí tự nhiên phong phú</p>
<p>Khí hậu</p>	<p>Nằm trong đới khí hậu cận nhiệt và đới khí hậu nhiệt đới, với kiểu khí hậu lục địa là chủ yếu nên khô nóng vào mùa hè, khô lạnh vào mùa đông.</p> <p>Khí hậu có sự phân hoá theo chiều bắc - nam. Vùng phía bắc có khí hậu cận nhiệt, vùng phía nam có khí hậu nhiệt đới. Ở các khu vực miền núi, sơn nguyên khí hậu phân hoá theo độ cao</p>	<p>➤ Nhìn chung, khí hậu Tây Nam Á ít thuận lợi cho cư trú và trồng trọt. Vùng ven biển khí hậu thuận lợi hơn cho hoạt động trồng trọt và cư trú..</p>

Sông, hồ	Mạng lưới sông ngòi thưa thớt và phân lớn bắt nguồn từ vùng núi và sơn nguyên ở phía bắc. Hai con sông lớn nhất là Ti-gơ (dài 1 900 km) và C-phrát (dài 2 800 km). Các con sông khác ít nước, thường chỉ có nước vào mùa mưa. Có một số hồ nước ngọt và nước mặn lớn	➤ Sông Ti-gơ và O phát hình thành nên đồng bằng màu mỡ thuận lợi cho canh tác nông nghiệp, đây cũng là nơi phát triển nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại. Tuy nhiên, các con sông ít nước gây nên tình trạng thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt
Biển	Vùng biển của Tây Nam Á thuộc các biển như: Biển Đỏ, biển Địa Trung Hải, ... Thông qua Biển Đen, biển Ca-xpi và các đại dương lớn là Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương để dàng kết nối với các châu lục khác	Thuận lợi để Tây Nam Á mở rộng giao lưu với nhiều nước châu Âu và các khu vực khác của châu Á, phát triển các ngành kinh tế biển Tuyến đường biển từ Địa Trung Hải qua Biển Đỏ đến Ấn Độ Dương là tuyến đường thương mại quan trọng
Sinh vật	Hệ sinh vật nghèo nàn chủ yếu cây bụi gai, động vật phần lớn là các loài bò sát và gặm nhấm nhỏ ven Địa Trung Hải có rừng lá cứng .	Khó khăn trong phát triển kinh tế
Khoáng sản	Sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng 40% trữ lượng khí tự nhiên của thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia ven vịnh Pé-xích; ngoài ra còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, photphát,.	Dầu khí là động lực phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong khu vực; tuy nhiên, đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp kéo dài

d) Tiến trình hoạt động

Nhiệm vụ 1:

Bước 1: Chuyên gia nhiệm vụ:

GV cho HS chơi trò chơi **AI TINH MẮT** hơn, với nội dung tìm vị trí các dãy núi, sông, hồ, đại dương của KV và ghi tên vào, ai nhanh nhất đúng nhất sẽ chiến thắng

- Tên dãy núi: En-buốc, Hin-đu Cúc, sơn nguyên: A-na-tô-ni, I-ran, A-ráp, đồng bằng Lưỡng Hà

- Tên các hồ: hồ Van, hồ U-mi-a, tên sông: Ti-gơ và O-phrát

Tên biển: **Biển Chết, Biển Đỏ, biển Địa Trung Hải, Biển Đen, biển Ca-xpi.**

Tên đại dương: **Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương**

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV ghi nhớ bạn làm nhanh nhất. Gv cho Hs đổi sản phẩm cho nhau, bổ sung. GV gọi 1 Hs ngẫu nhiên lên bảng điền vào bản đồ trống.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức

Nhiệm vụ 2: Cặp: hoàn thành bảng

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận và hoàn thành bảng kiến thức

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình, đất		
Khí hậu		
Sông, hồ		
Khoáng sản		
Sinh vật		
Biển		

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Gv cho các nhóm đổi sản phẩm, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV treo 1 sản phẩm lên bảng, GV chuẩn kiến thức

GV có thể mở rộng kiến thức, ví dụ: Khí hậu hoang mạc khô gây ra những vấn đề nghiêm trọng về nguồn nước. Nước cho sinh hoạt của khu vực lấy từ ba nguồn chính: một phần từ hai sông Ti-grơ và Ô-phrát, một phần từ nước ngầm và một phần từ lọc nước biển. Hầu hết các quốc gia đều khai thác nước từ các tầng nước ngầm nhưng nguồn cung này đang bị suy giảm nhanh chóng. Các quốc gia trong khu vực nỗ lực để tìm ra những nguồn cung nước và các giải pháp để sử dụng tốt nhất nguồn tài nguyên nước quý giá. GV cũng có thể cung cấp một số hình ảnh, video... về tự nhiên của khu vực để bài học phong phú và sinh động hơn.



GV cho Hs nhận xét BSL để chứng minh tài nguyên giàu có về dầu mỏ

BẢNG 15.1. TRỮ LƯỢNG DẦU MỎ VÀ KHÍ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHU VỰC TÂY NAM Á NĂM 2020

Trữ lượng	Quốc gia					
	A-rập Xê-út	I-ran	I-rắc	Cô-oét	Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất	Ca-ta
Dầu mỏ (tỉ tấn)	40,9	21,7	19,6	14,0	13,0	2,6
- So với thế giới (%)	17,2	9,1	8,4	5,9	5,6	1,5
Khí tự nhiên (nghìn tỉ m ³)	6,0	32,1	3,5	1,7	5,9	24,7
- So với thế giới (%)	3,2	17,1	1,9	0,9	3,2	13,1

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, 2022)

+GV chuẩn kiến thức

+HS ghi bài

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về Dân cư, xã hội của Tây Nam Á

a) Mục tiêu

- Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Kỹ năng: Đọc và trình bày, phân tích bản đồ.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân/nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c) Sản phẩm: Phân trả lời trên PHT

Tiêu chí		Đặc điểm	Ảnh hưởng
Dân cư	Quy mô tỉ lệ gia tăng	ít dân, số dân năm 2020 là 402,5 triệu người, chiếm khoảng 5,1% dân số thế giới. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên khoảng gần 1,6% (năm 2020).	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nguồn lao động dồi dào nhưng có tay nghề và trình độ chuyên môn còn hạn chế. ➤ Dân đông, trong điều kiện trình độ phát triển kinh tế chưa cao đã ảnh hưởng tới vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống. ➤ Văn hóa đa dạng ->Phát triển du lịch tuy nhiên xảy ra tình trạng xung đột sắc tộc
	Dân tộc	Phần lớn dân cư khu vực là người Ả-rập (hơn Có nền văn hoá 50% số dân), ngoài ra còn có các dân tộc khác Ả-rập đặc sắc, thuận như Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Do Thái, Cuộc,...	
	Cơ cấu dân số	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉ lệ nam nhiều hơn nữ và có xu hướng tăng. - Cơ cấu dân số trẻ nhiều nước đang bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng 	<p>Nơi tập trung đông dân có kinh tế phát triển , nhiều bvùng hoang mạc rộng lớn không có dân cư sinh sống</p>
	Phân bố dân cư	<p>Mật độ dân số khá thấp (khoảng 58 người/km, (năm 2020).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân cư phân bố chênh lệch giữa các vùng, các triển, nhiều vùng quốc gia. Vùng phía bắc, đồng bằng, ven biển và những vùng khai thác dầu mỏ quan trọng là không có dân cư những nơi tập trung đông dân nhất 	
	Đô thị hóa	Tỉ lệ dân thành thị của khu vực cao, năm 2020 là 72% (trung bình thế giới là 56,2%) nhưng có sự phân hoá: Cô-ôét có tỉ lệ dân thành thị cao trung tâm kinh tế nhất (100%), thấp nhất là Y-ê-men (37,9%). phát triển, thu hút - Các thành phố lớn nhất của khu vực là I-xtan-bun (Thổ Nhĩ Kỳ), Bát-đa (I-rắc), Tê-hê-ran(I-ran), Ri-át (Ả-rập Xê-út)	Có nhiều đô thị, là các trung tâm kinh tế phát triển thu hút ân cư và lao động.

d) Tiến trình hoạt động

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ

Đọc thông tin mục 1, bảng 15.2 và hình 15.4, hãy:

- + Nêu đặc điểm dân cư khu vực Tây Nam Á (quy mô và gia tăng, dân tộc, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, đô thị hoá).
- + Phân tích ảnh hưởng của các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực.

Tiêu chí		Đặc điểm	Ảnh hưởng
Dân cư	Quy mô		
	Tỉ lệ gia tăng		
	Dân tộc		
	Cơ cấu dân số		
	Phân bố dân cư		
	Đô thị hóa		

+ Xác định một số đô thị (từ 5 triệu đến dưới 10 triệu người) và một số siêu đô thị (từ 10 triệu người trở lên) của khu vực Tây Nam Á.

- Xác định một số đô thị (từ 5 triệu đến dưới 10 triệu người) và một số siêu đô thị (từ 10 triệu người trở lên) của khu vực Tây Nam Á

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS để phát biểu ý kiến. HS cần sử dụng bản đồ phân bố dân cư khu vực Tây Nam Á năm 2020 để xác định mật độ dân số theo quốc gia và một số đô thị lớn của khu vực

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức

– GV có thể mở rộng kiến thức, ví dụ: Tây Nam Á là khu vực ít dân, có cơ cấu dân số trẻ, nhiều quốc gia đang bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng, tuy nhiên khu vực vẫn thu hút một lượng lớn lao động phổ thông từ các quốc gia Nam Á và Đông Nam Á. Điều này dẫn đến nhiều vấn đề đối với lao động nhập cư, ví dụ những khác biệt về tôn giáo, văn hoá, thu nhập, phân biệt đối xử,...

Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về xã hội của Tây Nam Á

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Kỹ năng: Đọc và trình bày, phân tích bản đồ.

b) Nội dung: Hs hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c) Sản phẩm: Phần trả lời trên PHT

2. Dân cư và xã hội

b. Xã hội

- Nơi khởi nguồn của ba tôn giáo chính là Do Thái giáo, Ki-tô giáo và Hồi giáo → có nguy cơ bất ổn xã hội do xung đột giữa các tôn giáo.
- Nơi xuất hiện của một trong những nền văn minh cổ đại, nhiều lễ hội, phong tục đặc sắc — là nền tảng cho sự phát triển hiện tại, tạo thuận lợi phát triển du lịch. – Chất lượng cuộc sống dân cư trong khu vực ngày càng nâng cao nhưng có sự phân hoá giữa các nước và các nhóm dân cư trong một nước.
- Tây Nam Á có các xung đột sắc tộc, tôn giáo,... chịu sự can thiệp của bên ngoài → ảnh hưởng tiêu cực tới phát triển kinh tế – xã hội của khu vực..

d) Tiến trình hoạt động

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ

Đọc thông tin mục 2 phân tích ảnh hưởng của đặc điểm xã hội đến phát triển kinh tế xã hội của khu vực Tây Nam Á

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho đại diện nhóm trình bày sản phẩm

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức

GV có thể mở rộng thêm kiến thức phong tục tập quán của Tây Nam Á cho bài học thêm hấp dẫn

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

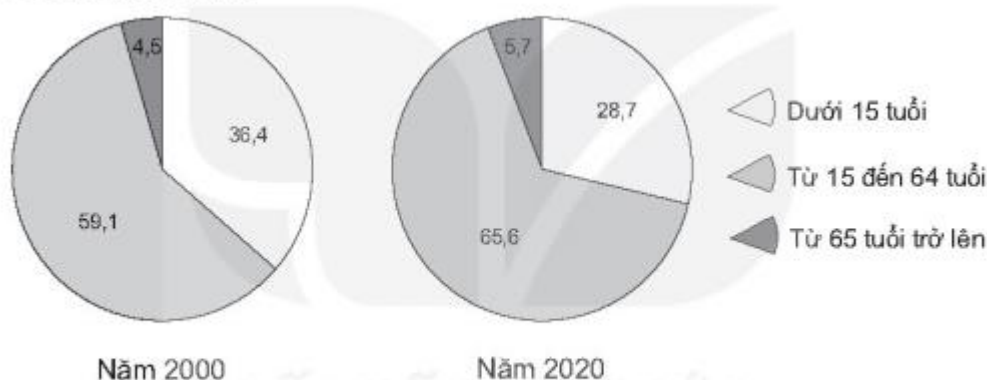
(Cá nhân/5 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b) Nội dung: Hs trả lời câu hỏi củng cố kiến thức

c) Sản phẩm: Phần trả lời trên bảng/giấy của HS

+ Biểu đồ tham khảo:



Biểu đồ cơ cấu dân số theo tuổi của khu vực Tây Nam Á năm 2000 và năm 2020 (%)

Nhận xét: Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỷ lệ tuổi từ 15-64 tuổi và trên 65 tuổi ngày càng tăng, cung cấp nguồn lao động cho các quốc gia khu vực Tây Nam Á

4. Tiến hành hoạt động

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thành nhiệm vụ:
 - + Vẽ biểu đồ cơ cấu dân số theo tuổi của KV Tây Nam Á năm 2000 và 2020 theo bảng 15.2
 - + Nhận xét
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + HS nghe câu hỏi và trả lời
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS đổi sản phẩm nhận xét, bổ sung
- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu 1 sản phẩm HS, chuẩn kiến thức, nhận xét và đánh giá tinh thần học tập của cả lớp.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

(Cá nhân/3 phút)

- a) **Mục tiêu:** Rèn luyện năng lực khai thác thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác để mở rộng kiến thức và hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** HS lựa chọn một quốc gia trong khu vực Tây Nam Á và thu thập tư liệu về một số nét đặc thù trong trang phục, ăn uống, lễ hội của người dân ở quốc gia đó.
- c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS

4. Tổ chức hoạt động

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
 - HS sưu tầm thông tin về cảnh quan hoang mạc hoặc một nền văn minh cổ đại của khu vực Tây Nam Á mà em quan tâm.
- Hình thức: Báo cáo bằng PPT hoặc tranh, Minimap
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận vấn đề và thực hiện ở nhà
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo sản phẩm bằng PPT, tranh vẽ, Minimap trong nhóm lớp trước buổi học tiếp theo
-
- Bước 4: Kết luận:** GV theo dõi, đọc và chấm đánh giá sản phẩm, công bố kết quả trong giờ học tiếp theo

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

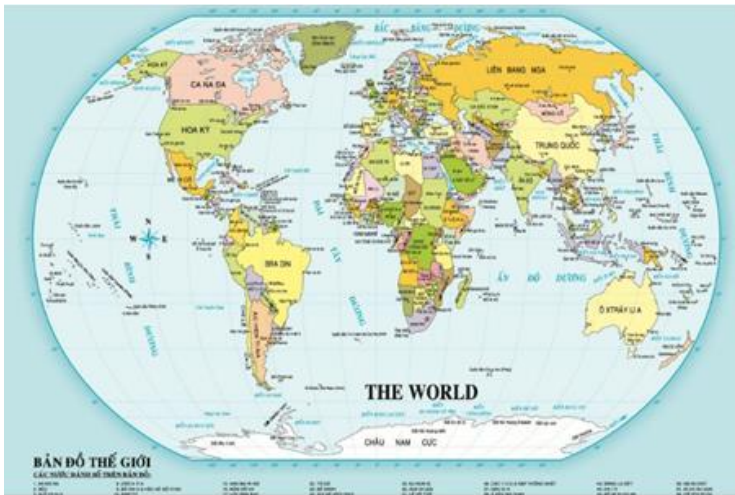
.....

V. PHỤ LỤC

1/ Link tham khảo

- + <https://www.adb.org/where-we-work/main>
- + <https://www.oecd.org/mena/>
- + <https://www.gso.gov.vn/>
- + <https://cacnuoc.vn...>

2/ Hệ thống tranh ảnh



Hình 14.2. Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị của khu vực Tây Nam Á năm 2020



Hình 14.7. Bản đồ tự nhiên khu vực Tây Nam Á



Tiết 32, 33 - **Bài 16. KINH TẾ KHU VỰC TÂY NAM Á**
(02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển một số ngành kinh tế của khu vực Tây Nam Á.
- Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ
- Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á

2. Năng lực

***. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.*. ***. Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí:

Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển một số ngành kinh tế của khu vực Tây Nam Á.

- Tìm hiểu địa lí:

Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành tinh yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.
- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

2. Giáo viên

- Bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khu vực Tây Nam Á năm 2020
 - Bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Tây Nam Á năm 2020
- Chuẩn bị phiếu học tập

2. Học sinh

- Đọc bài ở nhà,
- Giấy nhớ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Cá nhân/5 phút)

a) Mục tiêu

-Kiến thức:Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về kinh tế khu vực Tây Nam Á ở cấp học dưới với bài học.

– Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

-Kỹ năng:phân tíchkhảithácthôngtin,dữliệutừtruyềnthông. Rèn luyện kỹ năng quan sát và phân tích qua clip

b) Nội dung: GV cho Hs đặt tên các bức tranh sau đó nêu cảm nhận

c) Sản phẩm:

Câu trả lời miệng của HS

d) Tiến trình hoạt động

-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:GV cho Hs xem 4 bức tranh yêu cầu đặt tên cho tranh và nêu cảm nhận của em



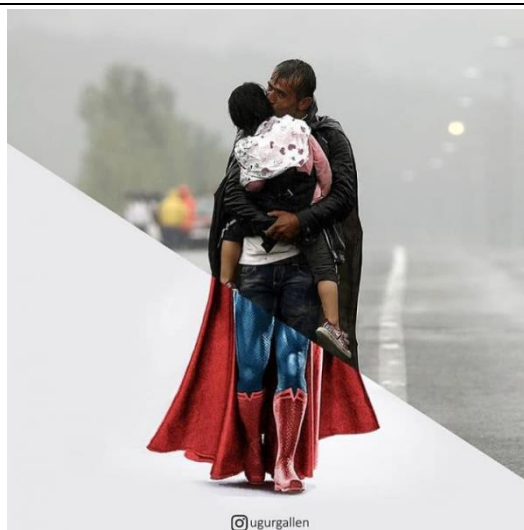
2 đứa trẻ 2 số phận



Chiến tranh và hòa bình



Cùng tuổi nhưng số phận khác nhau



Trên phim và đời thực

-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:Họcsinhquansátvàđặt tên tranhtrongthờigián2phút.

-Bước3:Áocáo,thảoluận:HS trình bày chia sẻ theo hình thức xung phong, nêu quan điểm

bản thân, chia sẻ cảm xúc

-Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế và nguyên nhân

a) Mục tiêu

-Kiến thức: Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á.

Kĩ năng: Phân tích được các bảng số liệu về tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

b) Nội dung: Hs thảo luận cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm: Phần trả lời miệng của HS

1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

a. Tình hình phát triển kinh tế

- Quy mô GDP: tăng liên tục nhưng còn nhỏ so với thế giới, có sự khác biệt rất lớn giữa các quốc gia.

- Tăng trưởng kinh tế: có nhiều biến động, thiếu ổn định.

- Cơ cấu kinh tế: ngành nông nghiệp có xu hướng giảm, ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm hơn 80% và có xu hướng tăng

b. Nguyên nhân:

Đặc điểm chung	Giải thích
Phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Do nguồn tài nguyên dầu khí phong phú
Tăng trưởng kinh tế có nhiều biến động	Do bất ổn xã hội, giá dầu không ổn định. dịch bệnh...
Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia	Do sự phân bố tài nguyên dầu mỏ không đều giữa các quốc gia, chính sách phát triển và đầu tư của từng quốc gia, tác động của các

d) Tiến trình hoạt động

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia ra 2 cụm mỗi cụm 3 nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập

Đọc SGK mục I, kết hợp với kiến thức của bản thân, trình bày khái quát tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á.

Nhóm 1: Dựa vào bảng 16.1, nhận xét về quy mô GDP theo giá hiện hành của khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2000 – 2020.

BẢNG 16.1. QUY MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020
(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Tây Nam Á	1 083,1	1 613,4	3 260,9	3 417,9	3 184,2
Thế giới	33 830,9	47 779,7	66 596,1	75 179,2	84 906,8

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Nhóm 2: Dựa vào bảng 16.2, nhận xét về quy mô GDP theo giá hiện hành của một số quốc gia khu vực Tây Nam Á năm 2000 và năm 2020.

BẢNG 16.2. QUY MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHU VỰC TÂY NAM Á NĂM 2000 VÀ NĂM 2020
(Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Năm		Quốc gia	Năm	
	2000	2020		2000	2020
A-rập Xê-út	189,5	703,4	I-rắc	48,4	184,4
A-đéc-bai-gian	5,3	42,7	I-xra-en	132,4	407,1
Ca-ta	17,7	144,4	Li-băng	17,3	25,9
Cô-oét	37,7	106,0	Ô-man	19,5	74,0

Nhóm 3: Dựa vào bảng 16.3, nhận xét về tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2010 – 2020.

BẢNG 16.3. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2010 – 2020
(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2020
Tây Nam Á	6,0	1,1	-6,3
Thế giới	4,5	3,0	-3,3

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi theo cặp trong thời gian 3' để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi ngẫu nhiên cặp đôi HS nêu thông tin

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu kết quả.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nguyên nhân

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ sau:

Đọc thông tin mục 2 để tìm hiểu các nguyên nhân để giải thích các đặc điểm kinh tế của khu vực Tây Nam Á?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi theo cặp đôi trong thời gian 3' để hoàn thành nhiệm vụ.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho Hs đổi chéo sản phẩm, nhận xét, bổ sung và gọi 1 nhóm lên báo cáo sản phẩm
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình hoạt động của nhóm và chuẩn kiến thức.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về một số ngành kinh tế của khu vực Tây Nam Á

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày khái quát một số ngành kinh tế nổi bật của khu vực Tây Nam Á. -
- Kỹ năng: Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét.

b) Nội dung: Hs hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c) Sản phẩm: Phân trả lời trên PHT

Ngành kinh tế	Sự phát triển	Phân bố
Nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất nông nghiệp tương đối khó khăn, một số quốc gia có nền nông nghiệp công nghệ cao nông nghiệp tiên tiến, - Các sản phẩm trồng trọt chính: cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả. - Chăn nuôi kém phát triển, chăn thả là hình thức chăn nuôi phổ biến. - Thủy sản chưa thực sự phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia có nền nông nghiệp công nghệ cao : I-xra-en, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất. - Thổ Nhĩ Kỳ, I-ran I-rắc, A-rập Xê-út, I-xra-en.. - Ven Địa Trung Hải, Biển Đỏ vịnh Péc-xích...
Công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành kinh tế then chốt. - Công nghiệp dệt, may phát triển khá mạnh. Công nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng chưa thực phát triển mạnh. - Ngành công nghiệp năng lượng tái tạo đang được đầu tư và phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia ven vịnh Péc xích. - Thổ Nhĩ Kỳ, Xi-ri, I-ran, Irắc. - Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất. A-rập mạnh Xê-út,...
Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Giao thông hàng hải là thế mạnh với nhiều cảng lớn. Giao thông không là hình thức chính với nhiều sân bay lớn. - Hoạt động ngoại thương nổi bật nhất là xuất khẩu các sản phẩm từ dầu mỏ và khí tự nhiên; mặt hàng nhập khẩu chính là nguyên liệu thô, nông sản. - Du lịch đang ngày càng được khuyến khích và phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> -I-xra-en, Thổ Nhĩ Kỳ, Y-ê-men.. - Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất. Cô ta Thổ Nhĩ Kỳ A-déc-bai-gian - Thổ Nhĩ Kỳ, A-rập Xê-út, Các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất....

d) Tiến trình hoạt động

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận đọc thông tin mục II và

hình 16.2, 16.3, hãy trình bày tình hình phát triển một số ngành kinh tế ở khu vực Tây Nam Á theo bảng sau

Ngành kinh tế	Sự phát triển	Phân bố
Nông nghiệp		
Công nghiệp		
Dịch vụ		

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Gv cho các nhóm đổi sản phẩm, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV treo 1 sản phẩm lên bảng, GV chuẩn kiến thức +GV chuẩn kiến thức +HS ghibài

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Cá nhân/5 phút)

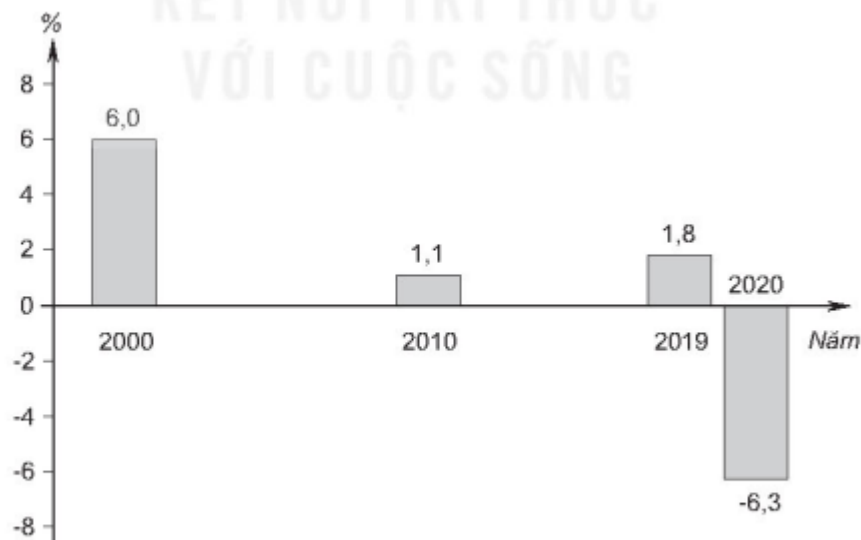
a) Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức lí thuyết về tình hình phát triển kinh tế khu vực Tây Nam Á.
- Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu

b) Nội dung: Hs vẽ biểu đồ dựa vào bảng 16.3 và nhận xét

c) Sản phẩm: Phân trả lời trên bảng/giấy của HS

+ Biểu đồ tham khảo:



Biểu đồ tốc độ tăng GDP của khu vực Tây Nam Á giai đoạn 2000 – 2020

Nhận xét: Tốc độ tăng GDP của khu vực Tây Nam Á không ổn định do phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân: bất ổn chính trị giá dầu mỏ, điều kiện quốc tế, thiên tai, dịch bệnh...

4. Tiến hành hoạt động

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS

Dựa vào bảng 16.3 vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng GDP của khu vực Tây Nam Á giai đoạn 2010-2020 rồi nhận xét, giải thích

BẢNG 16.3. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2020
Tây Nam Á	6,0	1,1	-6,3
Thế giới	4,5	3,0	-3,3

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:

+HSthực hiện nhiệm vụ

-Bước3.Báocáo,thảoluận:GVcho HS đổi sản phẩmvàbổsungchonhau

-Bước4.Kếtluận,nhậđịnh:GVchiếu 1 sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức,nhậnxétvàđánhgiáìnhànhhọctậpcủacálop.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

(Cá nhân/3 phút)

a) Mục tiêu: Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của khu vực Tây Nam Á, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.

b) Nội dung: HS sưu tầm thông tin về một hoạt động kinh tế của khu vực Tây Nam Á (các ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, du lịch, xuất khẩu,...) mà em quan tâm viết thành một báo cáo ngắn

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

Là một quốc gia nhỏ bé, với diện tích chỉ khoảng 22 000 km² và đang đứng trước mỗi nguy cơ cạn kiệt dần nguồn nước ngọt nhưng **I-xra-en** được nhắc đến là một quốc gia có nền nông nghiệp hiện đại bậc nhất thế giới. Trong giai đoạn ngắn, I-xra-en đã chuyển từ tình trạng thiếu nước, thiếu lương thực đến tự túc lương thực, thực phẩm và có xuất khẩu I-xra-en đã tạo ra một nền nông nghiệp với các phương pháp, hệ thống và những sản phẩm nông nghiệp hiện đại trên phần diện tích với hơn một nửa là sa mạc. Chia khoá thành công trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại I-xra-en là sự hợp tác chặt chẽ của “4 nhà: nhà nghiên cứu cán bộ khuyến nông, nông dân và các ngành công nghiệp hỗ trợ. Chính vì vậy, mọi khó khăn đều có thể khắc phục. Thông tin phát sinh trên đồng ruộng ngay lập tức được chuyển đến cho các nhà khoa học và ngược lại, nếu có kỹ thuật tiên tiến nào thì người nông dân đều nhanh chóng được tiếp cận và phổ cập rộng rãi. Ngày càng có nhiều thiết bị hiện đại ứng dụng trên đồng ruộng I-xra-en như hệ thống tái sử dụng nguồn nước, công nghệ tạo ẩm cho các vùng đất canh tác khô cằn, công nghệ biến đổi gen... Luôn đi đầu trong ứng dụng khoa học vào sản xuất nông nghiệp I-xra-en đã trở thành một điển hình nông nghiệp của thế giới. Họ áp dụng công nghệ và cơ giới vào tất cả các khâu có thể, từ khâu làm đất, gieo trồng cho đến khâu thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch.

– **Khâu vườn ươm:** Các khay xếp được đưa tuần tự qua dây chuyền để vào đất và gieo hạt giống Sau đó đưa ra vườn ươm để thử khả năng đồng đều của hạt giống. Tại I-xra-en, đa số người nông dân chỉ trồng cây con được mua từ các công ty giống mà không trực tiếp trồng bằng hạt.

- **Khâu gieo trồng:** I-xra-en là quốc gia rất phát triển về hệ thống màn phủ bạt dùng trong sản xuất nông nghiệp Do đó đã phát triển nhiều loại nhà lưới, nhà màng với nhiều cấu trúc khác nhau, tùy theo từng loại cây trồng và nhu cầu sử dụng (chống bụi, chống bức xạ, hoặc giữ nhiệt cho đất...). Ví dụ như nhà phủ nilông dùng trồng ớt, dưa chuột, cà chua... hay nhà dạng đường hầm lớn dùng trồng dưa lưới... dạng phủ thấp dùng trồng dâu tây... Bên cạnh đó cũng có dạng trồng ngoài đồng thường đối với các loại rau ăn củ như khoai tây, khoai lang, củ dền... Mọi cảnh đồng đều được cày xới, rạch hàng bằng máy với kích thước nhất định để thuận tiện cho việc gieo trồng, tưới phân và thu hoạch bằng cơ giới về sau. Tuy nhiên xây dựng hệ thống nhà lưới như I-xra-en cần đầu tư rất lớn, vì vậy khó phổ biến đại trà trong điều kiện của Việt Nam.

- Hệ thống tưới tiêu do đặc thù thiếu nguồn nước ngọt nên I-xra-en rất phát triển hệ thống tưới tiết kiệm nước: tùy từng mô hình, từng nhu cầu tưới mà ứng dụng các linh kiện (tưới thẳng, bán nguyệt, xoay tròn...) và cách tưới thích hợp (tưới nhỏ giọt, tưới phun sương...). Hệ thống tưới này kết hợp bón phân cho cây được quản lý tự động bằng máy tính, kết nối với máy cảm biến nhu cầu của cây nhằm tiết kiệm nước và phân bón.

- Thu hoạch và xử lý sau thu hoạch: Do hình thức sinh hoạt đặc thù là góp chung ruộng đất, máy móc nên việc canh tác của các hộ gia đình đều có máy móc hỗ trợ; thu hoạch bằng máy đối với các loại rau ăn củ (cà rốt, khoai tây...), máy rửa củ quả bằng hệ thống nước nóng nhằm diệt mầm bệnh đối với các hộ nhỏ lẻ, hoặc dây chuyền xử lý, dán nhãn, phân loại của các nhà máy sơ chế, đóng gói. Sau đó, tùy vào việc

nông sản được xuất khẩu hay tiêu thụ nội địa mà được lưu trữ lạnh với các nhiệt độ khác nhau nhằm làm ngưng quá trình chín của quả từ đó có thể bảo quản lâu hơn. Tất cả quá trình bảo quản này đều được tự động hoá bằng các thiết bị kết nối với máy tính.

– Thực hành quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) ở I-xra-en đã áp dụng GAP từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX. Tuy nhiên còn tùy thuộc vào thị trường tiêu thụ mà áp dụng nếu xuất khẩu thì sản xuất theo các tiêu chuẩn của GlobalGAP, nếu tiêu thụ nội địa thì chỉ áp dụng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó là các chương trình khuyến nông quốc gia nhằm đảm bảo cho người nông dân ý thức được sự cần thiết của việc an toàn trong sản xuất nông nghiệp Sản xuất rau quả hoàn toàn hữu cơ cũng đã được áp dụng rộng rãi ở I-xra-en. Trồng trọt hoàn toàn không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật mà chỉ áp dụng các biện pháp đấu tranh sinh học như dùng nhện ăn mồi diệt ấu trùng rệp sáp, ong kí sinh để trứng vào ấu trùng rầy mềm và giòi đục lá.

4. Tổ chức hoạt động

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS ở nhà

Sưu tầm thông tin về một hoạt động kinh tế của khu vực Tây Nam Á (các ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, du lịch, xuất khẩu,...) mà em quan tâm viết thành một báo cáo ngắn

Hình thức: Báo cáo bằng PPT hoặc tranh, Minimap

-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận vấn đề và thực hiện ở nhà

-

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo sản phẩm bằng PPT, tranh vẽ, Minimap trong nhóm lớp trước buổi học tiếp theo

-

Bước 4: Kết luận: GV theo dõi, đôn đốc và chấm đánh giá sản phẩm, công bố kết quả trong giờ học tiếp theo

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

V. PHỤ LỤC

1. Link tham khảo

– Đường link các trang web để HS tìm dữ liệu

+ <https://www.gso.gov.vn/>

+ <https://cacnuoc.vn/>

+ <https://data.worldbank.org/>

+ <https://www.fao.org/home/en/....>

2/ Hệ thống tranh ảnh



Hình 16.1. Bản đồ phân bố nông nghiệp khu vực Tây Nam Á năm 2020



Hình 16.2. Bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Tây Nam Á năm 2020



Hình 16.3. Quần đảo Cây Cọ là một điểm du lịch nổi tiếng ở Đu-bai, UAE

Tiết 34 - **BÀI 17: THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ DẦU MỎ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á (1 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á
- HS biết khai thác, chọn lọc thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến vấn đề dầu khí ở khu vực Tây Nam Á và viết báo cáo



2. Năng lực

***.Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.*. ***.Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Xác định được các bước cần thiết để viết báo cáo về một vấn đề địa lí.

+ Xác định được các nội dung để viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí có liên quan đến ngành dầu mỏ của Tây Nam Á.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:

Phân tích tác động của ngành dầu khí đến phát triển kinh tế-xã hội toàn khu vực và trên thế giới hiện nay.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

-

Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập và nđụng. Có trách nhiệm cao trong bảo vệ tài nguyên, môi trường và tinh thần hợp tác quốc tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

3. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế chung khu vực Tây Nam Á
- Tài liệu cho HS và giao nhiệm vụ từ tiết trước

***GV gợi ý HS thu thập tư liệu**

- Thu thập tư liệu từ các sách, báo, tạp chí và các tài liệu khác về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á

- Một số website có tư liệu về tài nguyên dầu mỏ và khai thác ở khu vực Tây Nam Á:

+ Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC): <https://www.opec.org>

+ Ngân hàng thế giới (WB): <https://www.worldbank.org>

[và hướng dẫn Hs khai thác thông tin như sau](#)

- Dựa vào kiến thức đã học, thông tin tham khảo và thông tin thu thập được, nêu vai trò của tài nguyên dầu mỏ đối với khu vực Tây Nam Á.

- Dựa vào bảng 17, cho biết:

+ Trữ lượng, sản lượng khai thác, sản lượng xuất khẩu dầu mỏ của khu vực (có thể so sánh với thế giới).

+ Trữ lượng, sản lượng khai thác, sản lượng xuất khẩu khí tự nhiên của khu vực (có thể so sánh với thế giới).

- Dựa vào thông tin tham khảo, chọn lọc các thông tin liên quan đến nội dung báo cáo.

2.Học sinh

Tư liệu về dầu khí một số nước Tây Nam Á, phiếu đánh giá. Dàn ý bài báo cáo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu

(Cá nhân/5phút)

a) Mục tiêu

-Kiến thức:Tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài học.

-Kỹ năng:phân tích khai thác thông tin, dữ liệu từ truyền thông.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi theo nhóm

c) Sản phẩm:

Câu trả lời miệng của HS

d) Tiến trình hoạt động

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:GV chia lớp thành 4 nhóm. GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. Gv có 4 câu hỏi,nhóm nào nhanh hơn thì được quyền trả lời, trả lời đúng thì đc cộng điểm, sai thì đội khác có quyền bổ sung

Câu hỏi 1: Điền từ tích hợp vào chỗ trống

Tây Nam Á được xem là..... thế giới (Từ liên quan đến tài nguyên dầu mỏ)- **Rón dầu**

Câu hỏi 2: Đất nước nào có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất Tây Nam Á ? -**Ả rập xê út**

Câu hỏi 3:Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ trên thế giới có tên viết tắt là gì?**OPEC**

Câu hỏi 4:Dầu mỏ được phát hiện đầu tiên ở I ran vào năm nào?**Năm 1908**

-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:Học sinh tham gia trò chơi theo nhóm

-Bước 3: Báo cáo, thảo luận:HS trình bày trình bày

-Bước 4: Kết luận, nhận định:GV chuẩn kiến thức, nhận xét tinh thần học tập, tổng kết trò chơi và dẫn dắt vào bài mới

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Kiểm tra nội dung chuẩn bị bài báo cáo ở nhà

a) Mục tiêu

-Kiến thức:tư liệu và dàn ý bài báo cáo.

-Kỹ năng:+ HS biết thu thập, chọn lọc, hệ thống hóa tư liệu về tài nguyên dầu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực Tây Nam Á. Lập đề cương để viết báo cáo

+ HS biết kiểm tra và nhận xét công tác chuẩn bị

b) Nội dung: Hs kiểm tra chéo sản phẩm chuẩn bị của bạn

c) Sản phẩm: Sản phẩm chuẩn bị ở nhà của HS bào gồm các tư liệu và đề cương

VẤN ĐỀ DẦU MỎ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á

1. Đặc điểm tài nguyên dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á

- Trữ lượng
- Phân bố

2. Việc khai thác dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á

- Sản lượng khai thác
- Phân bố
- Xuất khẩu

d) Tiến trình hoạt động

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho Hs kiểm tra sự chuẩn của bạn đã đầy đủ yêu cầu của GV
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện kiểm tra sự chuẩn bị của bạn
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho Hs báo cáo kết quả, sau đó GV kiểm tra lại ngẫu nhiên 1 lần nữa
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá sự chuẩn bị của Hs ở nhà.

Hoạt động 2.2: Viết báo cáo

a) Mục tiêu

- **Kiến thức:** Viết báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

- **Kỹ năng:** Thu thập thông tin, phân tích bản đồ từ đó trình bày báo cáo một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á theo đề cương đã xây dựng

b) **Nội dung:** : Báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

c) **Sản phẩm:** Bài báo cáo của HS

1. Đặc điểm tài nguyên dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á.

- **Trữ lượng:** Khu vực Tây Nam Á có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới với trữ lượng dầu đã được xác minh năm 2020 là 113,2 tỉ tấn dầu, chiếm 46,3% (gần một nửa) so với trữ lượng dầu mỏ của các mỏ dầu trên toàn thế giới (244,4 tỉ tấn).

- **Phân bố:** Dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á được phát hiện đầu tiên vào năm 1908 tại I-ran, các mỏ dầu tập trung nhiều nhất ở các nước: Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất.

2. Việc khai thác dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á.

- **Sản lượng khai thác:**

+ Sản lượng dầu thô các nước khu vực Tây Nam Á đã khai thác được năm 2020 đạt 1297,3 triệu tấn, chiếm 31,1% tổng sản lượng khai thác dầu thô của thế giới với 4165,1 triệu tấn.

+ Dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á có trữ lượng dồi dào, nhiều mỏ dầu lớn nằm gần cảng, hàm lượng các-bon, lưu huỳnh trong dầu thô thấp, giá nhân công rẻ, lợi nhuận cao nên trung bình hàng năm các nước này khai thác được hơn 1 tỉ tấn dầu, chiếm 1/3 sản lượng dầu toàn thế giới.

- **Phân bố:** chủ yếu ở các quốc gia khai thác và sản xuất dầu mỏ như: Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất...

- **Xuất khẩu:**

+ Dầu mỏ của khu vực được khai thác và chuyển theo hệ thống ống dẫn tới các cảng để xuất khẩu dưới dạng dầu thô. Lượng dầu thô xuất khẩu của khu vực Tây Nam Á năm 2020 đạt 874,9 triệu tấn, chiếm 41,5% sản lượng dầu thô xuất khẩu của toàn thế giới (2108,6 triệu tấn).

+ Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) được ra đời để kiểm soát giá dầu trên toàn thế giới - đây là một tổ chức hùng mạnh trong thương mại quốc tế.

+ Việc khai thác và vận chuyển dầu xuất khẩu tiềm ẩn nhiều nguy cơ tràn dầu gây ô nhiễm môi trường cao.

d) *Tiến trình hoạt động*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 4 nhóm giao nhiệm vụ báo cáo trên giấy A0. GV tiêu chí chấm sản phẩm, thời gian làm báo cáo 20 phút

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi ngẫu nhiên thành viên của nhóm lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét bổ sung dựa trên bảng tiêu chí ở phụ lục, nếu k kịp các sản phẩm còn lại Gv thu về nhà chấm

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức

HOẠT ĐỘNG 3: RÚT KINH NGHIỆM

(Cánhân/5phút)

a) **Mục tiêu:** Rút ra kinh nghiệm viết bài báo cáo

b) **Nội dung:** GV cho HS rút kinh nghiệm

c) **Sản phẩm:** Phân trả lời của HS

4. Tiến hành hoạt động

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS:

Rút kinh nghiệm sau khi hoàn thành bài báo cáo

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS nghe câu hỏi và trả lời

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét và đánh giá tinh thần học tập của cả lớp.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

Tiêu chí	Mức độ			
	A	B	C	D
1. Nội dung trình bày (đúng chủ đề, thông tin đầy đủ)	Nêu được đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA và bám sát đề cương đã xây dựng, khai thác hiệu quả hợp lí phương tiện trình báo cáo.	Nêu được khá đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA, có bám sát đề cương đã xây dựng, khai thác hiệu quả, nhưng còn hợp lí phương tiện trình báo cáo.	Nêu chưa đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA và bám sát đề cương đã xây dựng, khai thác chưa hiệu quả, chưa hợp lí phương tiện trình báo cáo.	Nêu chưa đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA và bám sát đề cương đã xây dựng, chưa khai thác phương tiện trình báo cáo.
2. Cách trình bày 2a. Sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn - Sử dụng câu từ phù hợp, dễ hiểu đối với người nghe - Lời nói truyền cảm, hấp dẫn người nghe.	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu song chưa truyền cảm, hấp dẫn.	- Trình bày nhiều chỗ chưa rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu. - Cách nói chưa hấp dẫn	- Nói dài dòng - Cách nói không phù hợp, khó hiểu và không hấp dẫn người nghe
2b. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp (tu thế, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười,...).	- Biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể kết hợp với lời nói một cách hợp lí	- Biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể kết hợp với lời nói nhưng đôi lúc sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp	- Ít sử dụng ngôn ngữ cơ thể hoặc nhiều lúc sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp	- Không sử dụng ngôn ngữ cơ thể hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể không phù hợp.
3. Tương tác với người nghe (nhìn, lắng nghe, đặt câu hỏi, gây chú ý, khuyến khích người nghe,...)	Sử dụng các hình thức tương tác một cách phù hợp và hiệu quả.	Phần lớn thời gian có tương tác và sử dụng nhiều hình thức tương tác.	Ít tương tác và chỉ sử dụng một vài hình thức tương tác	Không tương tác hoặc tương tác không phù hợp.

4. Quản lý thời gian	Trình bày đảm bảo đúng thời gian quy định	Thời gian trình bày có nhanh/ chậm so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).	Thời gian trình bày nhanh/ chậm khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút)	Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều so với thời gian quy định (khoảng 5 phút lên).
5. Điều chỉnh hợp lý, kịp thời (Nội dung, cách trình bày, tương tác, thời gian)	Biết tự điều chỉnh hợp lý, kịp thời.	Có điều chỉnh hợp lý và kịp thời khi có người nhắc nhở	Có điều chỉnh hợp lý nhưng chưa kịp thời và phải có người nhắc	Không điều chỉnh gì trong suốt quá trình trình bày

-Thông tin tham khảo

- Một số website có tư liệu về tài nguyên dầu mỏ và khai thác ở khu vực Tây Nam Á:
- + Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC): <https://www.opec.org>
- + Ngân hàng thế giới (WB): <https://www.worldbank.org>

Bảng số liệu

BẢNG 17. TRỮ LƯỢNG DẦU MỎ VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT DẦU MỎ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ THẾ GIỚI NĂM 2020

Vùng lãnh thổ	Tổng trữ lượng đã xác minh (tỉ tấn)	Lượng dầu thô khai thác (triệu tấn)	Lượng dầu thô xuất khẩu (triệu tấn)
Tây Nam Á	113,2	1 297,3	874,9
Thế giới	244,4	4 165,1	2 108,6

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, 2022)

Dầu mỏ ở Tây Nam Á được phát hiện đầu tiên vào năm 1908 ở I-ran và sau đó được phát hiện ở nhiều nơi khác trong khu vực. Phát hiện này cùng thời điểm với việc phổ biến các phương tiện dùng nhiên liệu như xe hơi khiến cho tài nguyên này càng trở nên quan trọng. Ngày nay, dầu mỏ tiếp tục là một hàng hoá chiến lược, một nguồn tài nguyên quan trọng mà các quốc gia dùng nhiều hình thức để đảm bảo nguồn cung ổn định của mình.

Năm 1960, một nhóm các quốc gia sản xuất dầu mỏ, bao gồm I-ran và I-rắc, A-rập Xê-út và Cô-oét đã thành lập một tổ chức để điều phối chính sách bán các sản phẩm xăng dầu có tên gọi là Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Mục đích của OPEC là giúp các thành viên kiểm soát giá dầu trên toàn thế giới bằng cách điều chỉnh giá dầu và hạn ngạch sản xuất. OPEC là một tổ chức hùng mạnh trong thương mại quốc tế. Các thành viên khác bao gồm Ca-ta, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất lần lượt gia nhập sau đó vào các năm 1961 và 1967.

Đến năm 1981, Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh ra đời (GCC). Đây là một liên minh kinh tế bao gồm sáu quốc gia ở bán đảo A-rập (A-rập Xê-út, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất, Ba-ranh, Cô-oét, Ô-man và Ca-ta) nhằm cùng nhau đối phó với tình trạng biến động giá dầu và các thoả thuận cắt giảm sản lượng dầu thô của OPEC khi liên minh này chiếm tới 85% mức cắt giảm trong OPEC. Tuy nhiên, giữa các quốc gia trong liên minh này vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn, có thể dẫn đến những bất hoà lớn.

Việc khai thác và vận chuyển dầu luôn tiềm ẩn nguy cơ tràn dầu. Các tàu vận chuyển dầu vượt biển có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Nhiều tàu chở dầu hoạt động ở các tuyến đường thủy hẹp và nông như Biển Đỏ, kênh Suy-ê, vịnh Péc-xích và eo biển Hoóc-mút có nguy cơ dầu tràn do va chạm hoặc mắc cạn.